

Bản án số: 827/2019/DSPT

Ngày: 18/9/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho nhà
ở và quyền sử dụng đất ở

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Ông Lưu Trường Sanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận D1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3248/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 6466/2019/QĐ-PT ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Chí S, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 81 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Chí C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 11/31 đường A1, phường B2, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 101 đường A2, Phường B3, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 03/4/2018, có mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 828/34 đường A3, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Lê Thị X, sinh năm 1943; địa chỉ: Số 88/16A đường A3, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Trần Chí C – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn có bà Trần Thị Thu K đại diện trình bày: Bà Lê Thị L sinh năm 1934 (chết ngày 17/01/2018), khi còn sống bà Tạo lập được nhà đất tọa lạc tại số 618/16A đường Z, Phường J, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân Quận D1 cấp ngày 17/01/2011, số vào sổ: CH00146/2011/GCN).

Tháng 8/2016, bà bị tai biến, sức khỏe yếu nên họp gia đình và quyết định tặng cho căn nhà này lại cho 02 con là Trần Chí S và Trần Chí C (mỗi người được sở hữu 1/2) kèm theo điều kiện là 02 con S - C phải cùng có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng bà L cho đến khi bà chết; mọi công sức, chi phí đóng góp nuôi mẹ hằng ngày và cả khi đau ốm hai anh em phải có nghĩa vụ chung mỗi người ½. Về thủ tục thì ông S sẽ là người đứng tên trên giấy tờ sở hữu nhà đất và ông S phải làm cam kết với ông C về việc ông C có ½ quyền sở hữu và cùng có ½ nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng mẹ.

Ngày 19/9/2016, bà L đã ký Hợp đồng tặng cho nhà có điều kiện với ông S và hợp đồng này đã được Phòng Công chứng N – Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 33900 quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2016. Sau khi ký hợp đồng, ông S đã làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu căn nhà và ông S cũng đã lập bản “Cam kết về việc chăm sóc mẹ và phân chia tài sản tặng cho” đề ngày 18/9/2016 và giao cho ông C dưới sự chứng kiến của 02 người di ruột là bà Lê Thị H và Lê Thị X.

Một thời gian sau, vợ chồng ông C nói với bà L là mặc dù bà L cho căn nhà này cho cả 02 anh em nhưng chỉ mỗi mình ông S đứng tên, bản cam kết do ông S lập ngày 18/9/2016 chỉ viết tay không có công chứng nên không có giá trị, nếu cho 02 con thì phải ký lại hợp đồng tặng cho cả 02 con S - C để ông C cùng được đứng tên chủ sở hữu. Bà L đã họp ông S ông C lại và quyết định để cả 02 anh em cùng đứng tên để cùng có nghĩa vụ và trách nhiệm với mẹ. Bà L yêu cầu ông S tặng cho ½ giá trị căn nhà cho ông C để 02 anh em cùng được đứng tên cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng bà L đúng như thỏa thuận.

Theo yêu cầu của bà L, ông S và ông C đã ký hợp đồng tặng cho tại Phòng Công chứng N – Thành phố Hồ Chí Minh, Hợp đồng công chứng số 358, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản thỏa thuận phân chia giá trị tài sản chung số công chứng 367 cùng ngày 05/01/2017.

Ngày 10/10/2017, Trần Chí C đã tự viết giấy từ chối nhận tài sản được tặng cho và từ chối trách nhiệm chăm sóc đối với mẹ. Từ ngày 10/10/2017 cho đến lúc bà L mất thì mọi công sức, tiền bạc chăm sóc bà L lúc bình thường cũng như ốm đau ông C bỏ mặc một mình ông S lo, đám tang bà L cũng chỉ một mình ông S lo về công sức cũng như tiền bạc.

Ông Trần Chí C là người được tặng cho $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với điều kiện phải có trách nhiệm cùng với ông S bỏ ra chi phí, công sức để trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng bà L (lúc khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau) cho đến khi bà L qua đời. Tuy nhiên, ông C đã không thực hiện điều kiện và có văn bản từ chối nhận tài sản tặng cho và từ chối trách nhiệm chăm sóc bà L, vì vậy nay ông S khởi kiện yêu cầu:

1/ Hủy bỏ Hợp đồng tặng cho số 358 ngày 05/01/2017 đã ký giữa Trần Chí S và Trần Chí C tại Phòng Công chứng N- Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung ký giữa Trần Chí S và Trần Chí C ngày 05/01/2017 tại Phòng Công chứng N – Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn có bà Trương Thị Thanh T đại diện trình bày: Ông Trần Chí C thừa nhận nhà đất tọa lạc tại số 618/16A đường Z, Phường J, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị L. Ông C thừa nhận có sự việc bà L tặng cho ông và ông S nhà đất nêu trên có điều kiện như ông S trình bày, ông và ông C cùng đồng ý nhận tài sản và cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ. Giấy “Cam kết về việc trông nom chăm sóc mẹ và phân chia tài sản tặng cho” ngày 18/9/2019 do ông S lập giao cho ông C. Sau khi lập Hợp đồng tặng cho số 358 và ký Văn bản phân chia tài sản chung số 357 cùng ngày 05/01/2017 tại Phòng Công chứng N- Thành phố Hồ Chí Minh để xác định mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà đất giữa ông và ông S thì ông và ông S đã cùng đứng tên sở hữu nhà đất và cùng thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng bà L.

Đến khoảng đầu tháng 10/2017, vì mâu thuẫn trong việc tiền nong với bà L, cụ thể là bà L không trả lại cho ông C 06 cây vàng mà ông C đã hùn với bà L mua đất trước đó nên ông C đã trả lại toàn bộ giấy tờ và thông báo cho bà L biết do bà không rõ ràng chuyện tiền bạc nên ông C trả lại nhà (phần ông được tặng cho) không cần nhận. Ngay lúc đó ông C có tự viết tờ giấy đề ngày 10/10/2017 mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa. Thực chất việc ông C trả nhà là để gây áp lực với bà L để buộc bà L phải trả nợ 06 cây vàng chứ không phải là từ chối trách nhiệm chăm sóc mẹ như nguyên đơn đã trình bày.

Với các trình bày như trên bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn bởi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng và không có căn cứ.

Người làm chứng là bà Lê Thị H và bà Lê Thị X cùng thống nhất trình bày: Hai bà là em ruột của bà Lê Thị L, ngày 18/9/2016 các bà được mời đến chứng kiến việc ông S giao cho ông C bản “Cam kết về việc trông nom chăm sóc mẹ và phân chia tài sản tặng cho” đề ngày 18/9/2016 và hai bà cũng đã ký tên trên bản cam kết này với tư cách là người làm chứng. Hai bà cùng xác định sau khi

bà L ký hợp đồng tặng cho ông S toàn bộ nhà, đất, ông S làm xong thủ tục đứng tên chủ sở hữu thì ông C không đồng ý nên đã có ý kiến với bà L. Bà L đã yêu cầu ông S làm thủ tục tặng cho ông C ½ giá trị quyền sở hữu nhà, đất kèm theo điều kiện phải có nghĩa vụ cùng ông S chăm sóc, trông nom bà L cho đến khi bà L qua đời, mọi chi phí chăm sóc bà L lúc khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau đều do ông S và ông C cùng chịu. Ông S và ông C cùng đồng ý nên đã ký Hợp đồng tặng cho số 358 và Văn bản phân chia tài sản chung số 367 cùng ngày 05/1/2017.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Hủy bỏ Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 358 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2017 ký kết giữa Ông Trần Chí S với Ông Trần Chí C tại Phòng Công chứng N- Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận phân chia giá trị tài sản chung số công chứng 367 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2017 ký kết giữa Ông Trần Chí S với Ông Trần Chí C tại Phòng Công chứng N - Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, quyền sở hữu, sử dụng của Ông Trần Chí C đối với nhà, đất số 618/16A Z, Phường J, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh (được xác lập theo Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 358 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2017 và Văn bản thỏa thuận phân chia giá trị tài sản chung số công chứng 367 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2017) bị chấm dứt. Ông Trần Chí S được quyền liên hệ với cơ quan thẩm quyền để cập nhật thay đổi về quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất số 618/16A Z, Phường J, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định chung của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn – Ông Trần Chí C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện người kháng cáo – bà Trương Thị Thanh T trình bày: Ông Trần Chí C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị giải quyết các yêu cầu sau:

1- Ông C yêu cầu tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ kể từ năm 1990 đến tháng 10 năm 2017 tương đương số tiền 2.000.000 đồng (hai tỷ đồng),

2- Ông C yêu cầu bà L trả lại 6 lượng vàng SJC mà bà L đã mượn của ông để góp với ông S mua nhà 229/47/6 đường Tây Thạnh, quận C1 năm 2012; nhà và đất này đã bán nhưng ông C chưa được nhận lại số tiền trên, cụ thể ông S là người hưởng tài sản của bà L phải có trách nhiệm thanh toán lại số vàng nói trên cho ông C;

3- Ông Trần Chí D yêu cầu ông S thanh toán số tiền đóng góp xây dựng, sửa chữa nhà số 618/16A đường Z, Phường J, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bà T cũng yêu cầu ông S hoàn trả số tiền trên do đây là tài sản chung vợ chồng

Bà T đã nộp cho tòa án đơn yêu cầu và các chứng cứ sau: Đơn yêu cầu xem xét tính công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bà Lê Thị L của Ông Trần Chí C, Đơn yêu cầu xem xét giải quyết số tiền đóng góp sửa nhà của ông Trần Chí D, Đơn xin xác nhận của bà Lê Thị X, Đơn trình bày của bà Lê Thị H, Giấy làm chứng của ông Nguyễn Văn Y, Giấy xác nhận đã trả tiền của ông Trần Chí D, Nội dung cuộc nói chuyện trong video gia đình kèm theo một USB có nội dung cuộc nói chuyện trên.

Nguyên đơn – Ông Trần Chí S trình bày: Hợp đồng tặng cho số 358 và Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản số 367 lập ngày 05/01/2017 tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh là hợp đồng tặng cho có điều kiện nhưng ông C đã làm văn bản từ chối quyền lợi, trách nhiệm và trả lại giấy tờ nhà, đồng thời không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ. Mọi việc chăm lo cho bà L kể từ ngày 10/10/2017 đến ngày bà L mất đều một tay ông lo, kể cả việc ma chay; do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người làm chứng – bà Lê Thị H và bà Lê Thị X cùng trình bày: Các bà là em ruột bà Lê Thị L, các bà đã chứng kiến và ký tên vào Cam kết về việc trông nom, chăm sóc mẹ và phân chia tài sản cho tặng ngày 18/9/2016 do ông S lập. Các bà xác nhận ông C là người con có hiếu, thường xuyên đưa tiền cho mẹ, cũng có khi đưa tiền thông qua các bà để giao cho bà L. Ngoài ra, các bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu đơn phương chấm dứt việc ủy quyền cho bà Trần Thị Thu K tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền số 003143 quyền số 3 chứng nhận tại Văn phòng Công chứng R, Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ thông báo cho bà K về việc chấm dứt ủy quyền; nguyên đơn sẽ tự mình tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xét hợp đồng ủy quyền giữa nguyên đơn và bà K nói trên là hợp đồng ủy quyền không có thù lao; do đó,

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về nội dung, bị đơn – Ông Trần Chí C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết các vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy, các đương sự đã thừa nhận toàn bộ nội dung và quá trình ký Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất (có điều kiện) số 33900 quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2016 tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Lê Thị L và Ông Trần Chí S; Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất số 358 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản thỏa thuận phân chia giá trị tài sản chung số 367 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 05/01/2017 tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Ông Trần Chí S và Trần Chí C. Các hợp đồng và văn bản trên được ký kết với điều kiện ông C và ông S phải thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ là bà Lê Thị L kể từ khi ký hợp đồng tặng cho đầu tiên cho đến khi bà L qua đời. Bà T đại diện cho ông C thừa nhận, do bức xúc về việc bà L mượn 6 lượng vàng SJC của ông C để giao cho ông S mua nhà nhưng sau khi bán nhà ông S không hoàn trả cho ông C nên ông C đã viết văn bản ngày 10/10/2017 trả lại toàn bộ giấy tờ nhà và từ chối quyền lợi, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ là bà L, đồng thời cũng từ đó ông C không thực hiện việc đóng góp nuôi dưỡng và chăm sóc bà L cho đến lúc chết; do ông C từ chối quyền lợi và không thực hiện điều kiện nuôi dưỡng bà L đã cam kết nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 423, Điều 427 Bộ luật Dân sự 2015 tuyên hủy Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất số 358 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản thỏa thuận phân chia giá trị tài sản chung số 367 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 05/01/2017 tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Ông Trần Chí S và Trần Chí C là có cơ sở.

Tuy nhiên, trước khi lập các văn bản trên, Ông Trần Chí S có lập Cam kết về việc trông nom, chăm sóc mẹ và phân chia tài sản cho tặng ngày 18/9/2016 có sự chứng kiến của hai người làm chứng là bà Lê Thị X và bà Lê Thị H; theo nội dung bản cam kết nói trên thì việc phân chia tài sản cho tặng sau khi bà Lê Thị L qua đời sẽ được thực hiện như sau:

- Hoàn trả phần tiền đóng góp xây dựng, sửa chữa nhà 618/16A đường Z, Phường J, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trần Chí D, Trần Chí C và Trần Chí S;

- Hoàn trả các chi phí trông nom, chăm sóc mẹ do Trần Chí S và Trần Chí C đã chi trả từ nay đến ngày cuối đời của mẹ là bà Lê Thị L;

- Phần còn lại của tài sản trên (sau khi đã trừ đi chi phí hợp lý) sẽ chia đều cho S và C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn có đưa ra các yêu cầu mới của ông C về việc tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ, yêu cầu trả tiền xây dựng sửa

chữa nhà của ông D; phía nguyên đơn thừa nhận và những người làm chứng cũng xác nhận về việc ông C có công nuôi dưỡng bà L nhưng chưa thống nhất được số tiền cụ thể, nguyên đơn thừa nhận có việc ông D đóng góp tiền xây dựng, sửa chữa nhà nhưng cho rằng ông D chỉ đóng góp 40.000.000 đồng và số tiền này đã được anh em trong nhà tự giải quyết xong nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh. Các chứng cứ bà T cung cấp chưa được kiểm chứng để nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Căn cứ vào bản cam kết nói trên thì trước khi ông S nhận tài sản tặng cho phải giải quyết các yêu cầu liên quan của ông C, ông D để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, các yêu cầu mới này không thể bỏ sung ở cấp phúc thẩm. Để giải quyết các yêu cầu trên thì cần đưa ông D, bà T vợ ông D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đây là những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm cấp sơ thẩm không có lỗi; bên cạnh đó, khi giải quyết lại vụ án cấp sơ thẩm cũng cần đưa Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng khi giải quyết yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho.

Ngoài ra, trong bản cam kết có nhắc đến số tiền 100.000.000 đồng của bà L mà ông D đang giữ chưa được giải quyết nên cũng cần xem xét lại cho việc giải quyết vụ án được toàn diện.

Từ những lập luận trên, xét nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí, do hủy án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Ông Trần Chí C, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 377/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Trần Chí C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0014212 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận D1;
- TAND Quận D1;
- Các đương sự;
- Lưu: (T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương